

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Phúc Nguyên

NGUỒN LỰC PHẬT GIÁO
NAM TÔNG KHMER TRONG PHÁT TRIỂN
VÙNG TÂY NAM BỘ HIỆN NAY

Chuyên ngành: Tôn giáo học

Mã số: 9229009

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Lại Quốc Khánh

Phản biện 1: PGS.TS. Hoàng Thị Lan

Viện Dân tộc và Tôn giáo, Học Viện Chính trị Quốc gia HCM

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc

Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm KHXH VN

Phản biện 3: TS. Hoàng Văn Chung

Viện Dân tộc học và Tôn Giáo học , Viện Hàn lâm KHXH VN

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm Luận án Tiến sĩ họp tại Trường Đại học KHXH-NV,
ĐHQGHN

Vào hồi: 8 giờ 30 ngày 01 tháng 8 năm 2026

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghiên cứu nguồn lực Phật giáo Nam tông (PGNT) Khmer trong phát triển vùng Tây Nam Bộ (TNB) là một nhiệm vụ khoa học có tính mới, có ý nghĩa cả về khoa học và thực tiễn xét trên mấy phương diện chủ yếu sau đây:

Một là, từ góc độ lý luận và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc nghiên cứu nguồn lực tôn giáo nói chung và nguồn lực PGNT Khmer nói riêng xuất phát từ yêu cầu nhận thức lại vai trò của tôn giáo trong phát triển xã hội trong điều kiện mới.

Hai là, từ góc độ thực tiễn, PGNT Khmer có vị trí đặc biệt trong đời sống xã hội của đồng bào Khmer ở vùng TNB. Hiện nay PGNT Khmer có khoảng hơn 1,2 triệu tín đồ, gần 10 nghìn vị sư, sinh hoạt tại 456 ngôi chùa trên địa bàn 9 tỉnh, thành phố, trong đó tập trung chủ yếu ở các địa phương khu vực TNB.

Ba là, từ yêu cầu của bối cảnh mới và chính sách phát triển vùng, việc nghiên cứu nguồn lực PGNT Khmer trở nên cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng TNB trong giai đoạn hiện nay. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng đối với vùng đồng bào Khmer và công tác tôn giáo, tuy nhiên, việc triển khai các chính sách này trong thực tế còn gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện về nguồn lực của PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB cả về lý luận và thực tiễn, hướng đến đề xuất giải pháp đối với nguồn lực này đáp ứng yêu cầu phát triển vùng TNB trong tình hình mới vừa nhiệm vụ khoa học có tính cấp thiết. Góp phần thực hiện nhiệm vụ trên, nghiên cứu sinh lựa chọn thực hiện đề tài luận án tiến sĩ ngành Tôn giáo học: “*Nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB hiện nay*”.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn, thực trạng và vấn đề đặt ra về nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB hiện nay, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp đối với nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB trong bối cảnh mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, Luận án có nhiệm vụ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu; hệ thống hóa và phân tích các cơ sở lý luận và thực tiễn; phân tích, đánh giá thực trạng nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB; phân tích bối cảnh mới và đề xuất quan điểm và giải pháp chủ yếu đối với nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Những nguồn lực (tinh thần, vật chất và con người) của PGNT Khmer và những kết quả của nguồn lực đó cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng TNB hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Tập trung làm rõ các loại nguồn lực của PGNT Khmer: Nguồn lực tinh thần (giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống, niềm tin, tinh thần yêu nước...); nguồn lực vật chất (chùa chiền, hoạt động xã hội, mạng lưới cộng đồng...) và nguồn lực con người (sư sãi, tín đồ, tri thức, giáo dục...).

- Về không gian: Tập trung vào những địa phương có hoạt động của PGNT Khmer ở khu vực TNB.

- Về thời gian: Từ năm 2018 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận để thực hiện luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, về dân tộc và phát huy nguồn lực Phật giáo nói chung, PGNT Khmer nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu dưới góc độ liên ngành: tôn giáo học, xã hội học tôn giáo, sử học và phát triển bền vững nhằm đảm bảo tính toàn diện và hệ thống, kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu 1:

Nguồn lực PGNT Khmer cần được nhận diện như thế nào về mặt lý luận?

Câu hỏi nghiên cứu 2:

Thực trạng nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB từ năm 2018 đến nay được thể hiện như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 3:

Các yếu tố nào đang tác động đến nguồn lực PGNT Khmer?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1:

Nguồn lực PGNT Khmer là một dạng nguồn lực xã hội đặc thù, được cấu thành bởi các yếu tố cơ bản như: nguồn lực tinh thần (hệ giá trị văn hóa, đạo đức và mạng lưới quan hệ xã hội),, nguồn lực vật chất (chùa, tổ chức), nguồn lực con người (chức sắc, tín đồ, tri thức, giáo dục). Các thành tố này có khả năng tham gia vào quá trình phát triển vùng TNB thông qua các cơ chế như thế nào?

Giả thuyết 2:

Từ năm 2018 đến nay, nguồn lực PGNT Khmer đã bước đầu được phát huy trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, an sinh và vận động quần chúng, qua đó góp phần ổn định và phát triển vùng TNB. Tuy nhiên, mức độ phát huy chưa tương xứng với tiềm năng do chịu sự chi phối của nhiều yếu tố. Điều này dẫn đến tình trạng nguồn lực chưa được chuyển hóa đầy đủ thành động lực phát triển.

Giả thuyết 3:

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường và chuyển đổi xã hội sâu sắc, nguồn lực PGNT Khmer chịu tác động đa chiều của cả yếu tố tích cực và tiêu cực thì nguồn lực này có thể được chuyển hóa hiệu quả thành động lực góp phần phát triển bền vững vùng TNB và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn lực tôn giáo, đặc biệt là nguồn lực PGNT Khmer, dưới góc độ tiếp cận liên ngành của tôn giáo học: Nhân học tôn giáo, văn hóa tôn giáo, dân tộc tôn giáo...

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng, điều chỉnh chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB.

7. Những đóng góp mới về khoa học của Luận án

Luận án đã chuẩn hóa và làm rõ khái niệm “nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB hiện nay” dưới góc nhìn tôn giáo học, xây dựng được khái niệm công cụ có khả năng vận dụng xuyên suốt nghiên cứu.

8. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Mục lục, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án gồm 4 chương 11 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trên thế giới, nhiều công trình nghiên cứu đã tiếp cận tôn giáo không chỉ như một hiện tượng văn hóa, tinh thần mà còn như một dạng “vốn”, một “nguồn lực” có thể huy động cho phát triển xã hội, tiêu biểu là các nghiên cứu về “vốn xã hội tôn giáo”, vai trò của các tổ chức tôn giáo trong thúc đẩy gắn kết xã hội, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về nguồn lực tôn giáo cũng đã có những bước phát triển đáng kể, tập trung làm rõ vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

1.2. Kết quả nghiên cứu đã đạt được và một số vấn đề luận án cần đi sâu nghiên cứu

Các tác giả đều công nhận tôn giáo là nguồn lực đã và đang đóng góp vào phát triển đất nước, rất cần phát huy. Cùng với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia tích cực của người dân trong phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự thì tôn giáo là một trong các yếu tố không thể thiếu góp phần vào phát triển bền vững đất nước. Vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội được các nhà nghiên cứu phản ánh ở nhiều khía cạnh khác nhau: đạo đức, văn hóa, các hoạt động an sinh xã hội, đặc biệt là niềm tin tôn giáo. Các nhà nghiên cứu đều cho rằng khi con người có niềm tin sẽ thúc đẩy các hoạt động mang tính tích cực hơn.

Những kết quả nghiên cứu trên là tài liệu rất quý và có giá trị để tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài. Chúng tôi trân trọng kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kết quả nghiên cứu trên để thực hiện các nội dung của luận án.

1.2.2. Một số vấn đề luận án cần đi sâu nghiên cứu

Trước hết, cần nghiên cứu một cách hệ thống hơn về khái niệm và cấu trúc của “nguồn lực tôn giáo”, đặc biệt là cơ chế chuyển hóa các yếu tố nội tại của tôn giáo (giá trị, niềm tin, tổ chức, mạng lưới cộng đồng) thành các nguồn lực cụ thể phục vụ phát triển.

Thứ hai, cần làm rõ mối quan hệ giữa nguồn lực tôn giáo với các loại vốn khác như vốn xã hội, vốn văn hóa và vốn con người trong bối cảnh phát triển bền vững.

Thứ ba, cần đi sâu phân tích vai trò của các chủ thể trong việc phát huy nguồn lực tôn giáo, bao gồm chính tổ chức tôn giáo, chính quyền và các lực lượng xã hội, cũng như cơ chế phối hợp giữa các chủ thể này.

Thứ tư, cần tăng cường các nghiên cứu thực nghiệm, đặc biệt là các trường hợp cụ thể gắn với từng vùng, từng cộng đồng, nhằm kiểm chứng và bổ sung cho khung lý thuyết.

Tiểu kết chương 1

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tôn giáo, nguồn lực tôn giáo và Phật giáo, có thể nhận thấy rằng vấn đề tôn giáo đã được tiếp cận từ nhiều góc độ lý thuyết và thực tiễn khác nhau. Các học giả quốc tế, trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và các lý thuyết xã hội học tôn

giáo, đã phân tích bản chất, chức năng xã hội và vai trò của tôn giáo trong đời sống hiện đại, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ giữa tôn giáo với phát triển xã hội, văn hóa và con người.

Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, các công trình nghiên cứu hiện nay vẫn còn một số khoảng trống cần tiếp tục làm rõ như: khái niệm “nguồn lực tôn giáo” chưa được xây dựng thành một hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh; các nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở việc phân tích vai trò của tôn giáo nói chung, chưa đi sâu vào từng tôn giáo cụ thể như một chủ thể nguồn lực; còn thiếu các công trình nghiên cứu chuyên sâu về PGNT Khmer gắn với phát triển vùng

CHƯƠNG 2

NGHIÊN CỨU NGUỒN LỰC PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG TÂY NAM BỘ - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Cơ sở lý luận của nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ

2.1.1. Các khái niệm và lý thuyết nghiên cứu

2.1.1.1. Các khái niệm

- Khái niệm nguồn lực
- Khái niệm nguồn lực tôn giáo
- Khái niệm phát huy nguồn lực tôn giáo
- Khái niệm Phật giáo Nam tông
- Khái niệm Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam
- Khái niệm nguồn lực PGNT Khmer
- Khái niệm phát triển
- Khái niệm Tây Nam bộ

Tổng hợp các định nghĩa khái niệm có liên quan đã nêu, luận án xác định Nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB là *“tổng thể các yếu tố vật chất và phi vật chất thuộc truyền thống PGNT Khmer - bao gồm thiết chế tôn giáo, nhân lực tôn giáo, hệ giá trị đạo đức và các thực hành văn hóa - được tích lũy trong cộng đồng Khmer, có khả năng được huy động và chuyển hóa nhằm*

tham gia vào quá trình phát triển bền vững của vùng trong những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể”.

2.1.1.2. Một số lý thuyết hiện đại liên quan đến đề tài luận án

Luận án vận dụng một số lý thuyết nghiên cứu về tôn giáo và nguồn lực tôn giáo sau:

- Lý thuyết nguồn lực xã hội
- Lý thuyết tiếp cận văn hóa bản sắc
- Lý thuyết chức năng xã hội của tôn giáo

2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước

2.1.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trước hết, Hồ Chí Minh tôn trọng tự do tín ngưỡng - nền tảng phát huy nguồn lực tôn giáo.

Thứ hai, Hồ Chí Minh luôn khẳng định đồng bào có đạo là một bộ phận không tách rời của dân tộc.

Thứ ba, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ nguồn nhân lực của tôn giáo chính là khối tín đồ, là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ tư, Hồ Chí Minh đánh giá cao các giá trị đạo đức của tôn giáo.

Thứ năm, Hồ Chí Minh luôn đặt tôn giáo trong mối quan hệ với lợi ích dân tộc.

2.1.2.2. Đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới thừa nhận “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” và nêu rõ chủ trương “phát huy những giá trị về đạo đức và văn hóa của tôn giáo”.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo nhận định: “Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong các văn kiện tiếp theo của Đảng như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011 - 2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016 - 2021) tinh thần trên tiếp tục được khẳng định.

Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới lần đầu tiên nhấn mạnh việc “phát huy nguồn lực tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước”.

Năm 2018, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 19 - CT/TW ngày 10/01/2018 về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Chỉ thị nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội toàn diện cho vùng đồng bào Khmer.

2.1.2.3. Chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam

Việc thực hiện chính sách đối với PGNT Khmer qua những nội dung thiết thực như trên đã tạo nên tình cảm rất lớn của sự sãi, tín đồ PGNT Khmer đối với Đảng, nhà nước, xóa dần mặc cảm, đồng thời giải quyết mối quan hệ tốt đẹp giữa người Khmer vùng TNB với Vương quốc Campuchia, góp phần tạo nên sự ổn định và giữ vững an ninh chính trị khu vực TNB, góp phần thực hiện đoàn kết tôn giáo và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ban hành năm 2004, thể hiện rõ hơn đối với tôn giáo tham gia hoạt động từ thiện xã hội.

Luật tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội ban hành năm 2016, có hiệu lực từ tháng 01/2018, đưa ra nguyên tắc mở về sự tham gia hoạt động xã hội của các tôn giáo.

Các chủ trương, chính sách trên cũng đã đặt cơ sở hết sức quan trọng cho lĩnh vực quản lý nhà nước về tôn giáo, về trách nhiệm của từng bộ phận trong việc phối kết hợp về công tác tôn giáo, giảm thiểu được những nhận thức quá tả hoặc quá hữu trong việc giải quyết, xử lý những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

2.2. Cơ sở thực tiễn của nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ

2.2.1. Lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên và kinh tế, văn hóa xã hội vùng Tây Nam bộ

2.2.1.1. Lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên

Trước khi người Khmer có mặt ở Nam bộ, nhiều tài liệu khảo cổ học đã chứng minh sự tồn tại của một nhà nước Phù Nam ở đây dưới sự ảnh hưởng sâu sắc của làn sóng văn minh Ấn Độ giáo - Phật giáo ở nhiều vùng khác nhau của khu vực Đông Nam Á, trong đó có Nam bộ Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Đây là giai đoạn hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo. Nước Phù Nam là một thực thể lịch sử được ghi chép trong thư tịch cổ Trung Hoa và trên những minh văn phát hiện được ở vùng châu thổ sông Mê Kông.

2.2.1.2. Kinh tế, văn hóa, xã hội vùng Tây Nam bộ

TNB là vùng tập trung sản xuất lúa gạo và có điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp, đóng góp lượng lớn hàng nông sản xuất khẩu. Không chỉ về nông nghiệp, TNB còn có nhiều tiềm năng về công nghiệp dầu khí và năng lượng tái tạo như: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng thủy triều, địa nhiệt... Bên cạnh đó, Vùng còn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch với hàng trăm hòn đảo, có 4 khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên...

2.2.2. Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ

2.2.2.1. Sự hình thành và phát triển

PGNT đã có mặt ở TNB từ rất sớm (vào khoảng thế kỷ thứ IV), các nhà khảo cổ đã phát hiện được những cổ vật tháp, tượng Phật, thần ở Kiên Giang, Đồng Tháp...v.v. có niên đại từ 300 năm sau Công nguyên. Hay, những ngôi chùa Nam tông Khmer ở miền Nam có niên đại nhiều thế kỷ qua còn tồn tại đến ngày nay.

2.2.2.2. Vị trí, vai trò của Phật giáo Nam tông Khmer:

- Chùa Khmer: Chùa với người Khmer vùng TNB trong quá khứ hay hiện tại đều đóng một vai trò rất quan trọng. Ngoài chức năng về tôn giáo, chùa còn là trường giáo dục người Khmer ngay từ thời kỳ còn niên thiếu, đặc biệt là đối với nam giới.

- Sư Khmer: Trong chùa, các nhà sư là những người có vai trò đặc biệt, vừa là đại diện cho Đức Phật để chứng giám những hành động và lòng thành kính của tín đồ, vừa là cầu nối giữa đạo và đời, là người dẫn dắt chúng sinh thực hành giáo lý của Đức Phật.

2.2.2.3. Về Hội đoàn kết sư sãi yêu nước

Năm 1963, phong trào yêu nước, chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm của nhân dân miền Nam nói chung và của tăng, ni, Phật tử nói riêng đã bùng nổ thành phong trào Phật giáo rộng lớn. Tại khu vực TNB, trước yêu cầu của cách mạng, cần có một tổ chức để tập hợp, đoàn kết sư sãi, tín đồ PGNT Khmer, trên cơ sở các Ban Sãi vận đã được thành lập trước đó, năm 1964, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước khu TNB chính thức được thành lập. Sau năm 1981, Hội chính thức không còn hoạt động, tuy nhiên do điều kiện lịch sử khách quan, mà tổ chức này vẫn còn tồn tại ở các địa phương và vẫn giữ một vị trí quan trọng đối với chức sắc và tín đồ PGNT Khmer.

2.2.3. Nguồn lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong phát triển đất nước

Những năm qua, GHPGVN, trên tinh thần lục hòa, đã phát huy đoàn kết, giữ vững niềm tin đạo pháp, đẩy mạnh hoạt động giảng dạy giáo lý, giáo luật cho cho tăng, ni và tín đồ, xây dựng mối quan hệ giữa Phật giáo với các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể từ trung ương đến địa phương. Các hoạt động trên luôn thể hiện tinh thần tốt đời đẹp đạo, gắn liền với phương châm của GHPGVN: “Đạo pháp, dân tộc, chủ nghĩa xã hội”. Vì lẽ đó, tăng ni, tín đồ Phật tử luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ mà GHPGVN đề ra, đóng góp phần công sức vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tiểu kết chương 2

Nguồn lực tôn giáo nói chung và nguồn lực PGNT Khmer nói riêng, là một phạm trù mang tính khách quan, hình thành, vận động và phát triển song hành cùng với tiến trình lịch sử của chính tôn giáo, được cấu thành và biểu hiện sinh động qua ba phương diện cốt lõi: tinh thần, vật chất và con người.

Các nguồn lực này tồn tại và vận hành một cách tự thân, gắn liền với nhu cầu nội tại, chức năng xã hội và truyền thống lịch sử của mỗi tôn giáo, hoàn toàn không phụ thuộc vào sự thừa nhận hay áp đặt mang tính hình thức từ các thể chế bên ngoài. Tuy nhiên, nguồn lực PGNT Khmer không phải là một hệ thống đóng kín hay bất biến, mà luôn đặt trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng dưới sự tác động mạnh mẽ của bối cảnh lịch sử - xã hội, từ những biến động

về điều kiện kinh tế, thể chế chính trị, xu thế văn hóa cho đến làn sóng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trên phương diện lý luận, hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng nên nền tảng khoa học vững chắc cho việc nhận thức đúng đắn, toàn diện về vấn đề này. Vận dụng phép biện chứng duy vật về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, chúng ta thấy rõ tôn giáo không đơn thuần là một hình thái ý thức phản ánh thế giới một cách thụ động, mà có tính độc lập tương đối và khả năng tác động trở lại mạnh mẽ đối với đời sống kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG 3

NGUỒN LỰC PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG TÂY NAM BỘ - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Những thành tựu và nguyên nhân của thành tựu

3.1.1. Đối với nguồn lực tinh thần

Trong hệ thống các nguồn lực của PGNT Khmer, nguồn lực tinh thần gồm cả văn hóa, đạo đức, truyền thống, niềm tin, tinh thần yêu nước... giữ vai trò đặc thù, phản ánh chiều sâu giá trị và sức ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống cộng đồng người Khmer ở vùng TNB. Đây là loại nguồn lực mang tính bền vững, vừa góp phần định hướng hành vi xã hội, củng cố đạo đức, lối sống, vừa là nền tảng quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer trong quá trình phát triển.

Một trong những nguồn lực văn hóa quan trọng của PGNT Khmer là các nghi lễ và lễ hội truyền thống. Các lễ hội lớn như Chol Chnam Thmay (Tết cổ truyền Khmer), Ok Om Bok (lễ thắp đèn cầu mưa thuận gió hòa) hay Pchum Ben (lễ Vu Lan) vừa mang ý nghĩa tâm linh vừa là dịp để cộng đồng gặp gỡ, trao đổi, và truyền đạt kinh nghiệm sống.

Ngoài ra, văn hóa vật thể và phi vật thể của PGNT Khmer cũng là nguồn lực quan trọng. Kiến trúc chùa Khmer, tượng Phật, các họa tiết điêu khắc, trang phục truyền thống, âm nhạc, múa rối và các câu chuyện dân gian đều chứa đựng giá trị nghệ thuật và tinh thần.

3.1.2. Đối với nguồn lực vật chất

Nguồn lực vật chất giữ vai trò điều kiện và mục tiêu trong nguồn lực của PGNT Khmer. Nếu như nguồn lực vật chất bảo đảm các điều kiện cơ sở cho các thiết chế tôn giáo vận hành, thì nguồn lực xã hội lại thể hiện ở khả năng kết nối cộng đồng, góp phần huy động sự tham gia của nhiều chủ thể trong thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội.

Theo quan niệm của PGNT Khmer, sự sãi và bách tính có mối quan hệ khăng khít với nhau, nên hoạt động từ thiện của chùa là việc làm thường xuyên mang ý nghĩa cứu nhân độ thế. Các hoạt động này tập trung:

- Tham gia hoạt động y tế, từ thiện, an sinh xã hội:
- Tham gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:
- Tham gia các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc:
- Tham gia các hoạt động quốc tế và đối ngoại nhân dân:

3.1.3. Đối với nguồn lực con người

Trong tổng thể các nguồn lực của PGNT Khmer, nguồn lực con người giữ vị trí đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa nền tảng quyết định đến nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB hiện nay. Đây không chỉ là lực lượng trực tiếp tham gia và đóng góp vào các nguồn lực này mà còn là chủ thể thụ hưởng kết quả trong cộng đồng Khmer. Xét về bản chất, đây là hai loại nguồn lực mang tính nội sinh, vừa trực tiếp tạo ra giá trị, vừa chi phối hiệu quả khai thác các nguồn lực khác của PGNT Khmer.

Nguồn lực tri thức - giáo dục, là một trong những điểm nổi bật trong nguồn lực của PGNT Khmer. Đối với mỗi xã hội, mỗi quốc gia, giáo dục luôn là nhiệm vụ hàng đầu, bởi nó xuất phát từ nhu cầu của con người. Giáo dục là phương tiện tối cần thiết để khai mở cánh cửa tri thức của con người. Chính vì vậy, giáo dục luôn được toàn xã hội coi trọng, là động lực tất yếu để phát triển xã hội.

Bên cạnh việc dạy chữ Khmer, Pali, đối với những người đang trong quá trình tu học, các sư còn dạy cho con em đồng bào Khmer việc làm nông nghiệp, trồng cây, xây dựng, đóng thuyền bè và nhiều ngành nghề khác nhằm giúp các vị sư trẻ nắm bắt được các kỹ thuật

truyền thống của cha ông để lại, đặc biệt trong việc xây cất chùa, các chánh điện, sala, điêu khắc tượng pháp, đồ thờ phụng... Dĩ nhiên, trong quá trình xây dựng này không thể thiếu đội ngũ các nghệ nhân chuyên nghiệp, nhưng phần lớn do tăng sĩ và đồng bào Phật tử trong phum, sóc trực tiếp thực hiện.

3.1.4. Nguyên nhân của thành tựu:

PGNT không chỉ đơn thuần là một tôn giáo, mà đã trở thành hệ giá trị cốt lõi, định hình bản sắc, phong tục và tập quán sinh sống của cộng đồng người Khmer tại vùng TNB. Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng, PGNT Khmer với nguồn lực tinh thần, vật chất và con người, đạt được nhiều thành tựu mang tính chiến lược. Những thành tựu này không tự nhiên diễn ra mà là kết quả của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ nội lực tự thân của tôn giáo đến các tác động thể chế.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

3.2.1. Đối với nguồn lực tinh thần

Một số giá trị văn hóa truyền thống gắn với PGNT Khmer đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình hiện đại hóa và giao lưu văn hóa. Những giá trị văn hóa phi vật thể rất dễ bị tác động và đứng trước nguy cơ bị mai một nếu không được quan tâm bảo tồn đúng mức. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của cộng đồng Khmer mà còn làm suy giảm một phần nguồn lực văn hóa của PGNT Khmer.

3.2.2. Đối với nguồn lực vật chất

Khi xem xét nguồn lực vật chất của PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB, có thể nhận thấy một thực tế là tiềm năng và hiệu quả phát huy chưa tương xứng với nhau. Dù hệ thống chùa Khmer hiện diện rộng khắp và có vị trí trung tâm trong đời sống cộng đồng, nhưng điều kiện vật chất giữa các địa bàn lại có sự chênh lệch khá rõ. Nhiều cơ sở tôn giáo còn thiếu thốn về hạ tầng và phương tiện, khiến cho các hoạt động văn hóa, giáo dục hay hỗ trợ cộng đồng khó được tổ chức thường xuyên và bài bản.

3.2.3. Đối với nguồn lực con người

Trong thời gian qua, dưới tác động của các điều kiện kinh tế, xã hội và chính sách dân tộc, tôn giáo, nguồn lực con người của PGNT

Khmer đã có những chuyển biến nhất định, thể hiện ở sự gia tăng về số lượng, từng bước cải thiện về chất lượng và mở rộng phạm vi tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, nguồn lực này vẫn bộc lộ những hạn chế mang tính cơ cấu, đặc biệt là sự không đồng đều về trình độ, hạn chế về kiến thức thể học, cũng như phương thức tổ chức, vận hành còn mang nặng tính truyền thống, chậm thích ứng với bối cảnh hội nhập và biến động nhanh chóng.

3.2.4. Nguyên nhân của hạn chế

Bên cạnh những thành tựu như đã nêu ở trên, nguồn lực của PGNT Khmer đóng góp vào động lực phát triển kinh tế, xã hội vùng TNB đang vấp phải những rào cản mang tính hệ thống. Việc nhận diện sâu sắc, đa chiều các nguyên nhân, từ vĩ mô (thể chế, kinh tế vùng) đến vi mô (tâm lý tộc người, cấu trúc nội tại của giáo hội), là điều kiện tiên quyết để tìm ra giải pháp giải phóng các nguồn lực này trong bối cảnh mới.

3.3. Vấn đề đặt ra từ thực trạng nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ

3.3.1. Nhận thức của các chủ thể có liên quan về nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ còn bất cập so với tình hình thực tế

3.3.2. Hệ thống chính sách, pháp luật đối với nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ còn bất cập trước đòi hỏi của thực tiễn

3.3.3. Nguồn lực PGNT Khmer chưa được phát triển hết tiềm năng tương xứng với yêu cầu phát triển vùng Tây Nam bộ trong giai đoạn mới

3.3.4. Phương thức phát huy nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ còn chậm đổi mới trong bối cảnh xã hội chuyển đổi nhanh chóng

3.3.5. Sự phối hợp giữa nhà nước với Phật giáo Nam tông Khmer và cộng đồng còn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra

Tiểu kết chương 3

Đối với vùng TNB, thực trạng nguồn lực của PGNT Khmer thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện. PGNT

Khmer khẳng định vai trò là nguồn lực tinh thần, vật chất và con người đặc biệt quan trọng, gắn liền với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa của đồng bào Khmer vùng TNB.

Có được những thành tựu trên bắt nguồn từ mối quan hệ hữu cơ, gắn bó máu thịt giữa PGNT Khmer với truyền thống văn hóa lâu đời của đồng bào dân tộc. Chùa Khmer vừa là trung tâm tâm linh, vừa là thiết chế văn hóa - giáo dục cốt lõi, giúp định hình hệ giá trị "chân - thiện - mỹ" và củng cố niềm tin vững chắc trong cộng đồng sư sãi, tín đồ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Hiệu quả khai thác nguồn lực nhìn chung chưa tương xứng với tiềm năng vốn có; việc huy động và vận hành các nguồn lực trong một số lĩnh vực như giáo dục hiện đại, ứng dụng sinh kế bền vững còn mang tính tự phát, thiếu tính chiến lược lâu dài. Đồng thời, bản sắc văn hóa truyền thống và niềm tin tôn giáo ở một bộ phận tín đồ đang có dấu hiệu bị rạn nứt hoặc tác động tiêu cực.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NGUỒN LỰC PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1. Bối cảnh mới và xu hướng biến đổi của nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer

4.1.1. Bối cảnh mới

Trong giai đoạn hiện nay, nguồn lực PGNT Khmer ở vùng TNB đang chịu tác động mạnh mẽ từ những biến đổi của bối cảnh trong nước và quốc tế.

Ở bình diện quốc tế, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã thúc đẩy sự giao lưu, tiếp biến văn hóa và tôn giáo, tạo điều kiện cho PGNT Khmer mở rộng quan hệ, tiếp cận tri thức và kinh nghiệm từ bên ngoài. Tuy nhiên, đi cùng với đó là những thách thức từ sự cạnh tranh giá trị, nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa truyền thống và sự gia tăng các yếu tố tác động phi truyền thống.

Ở trong nước, trước hết, quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số, đang làm biến đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế - xã hội của vùng TNB. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng di cư lao động và đô thị hóa đã tác động trực tiếp đến đời sống cộng đồng Khmer.

4.1.2. Xu hướng biến đổi của nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer

Trong giai đoạn hiện nay, các tôn giáo nói chung, PGNT Khmer nói riêng đang có xu hướng tăng cường hoạt động xã hội, kể cả giải thích các hiện tượng tự nhiên - xã hội một cách lý tính, giảm dần tính huyền bí, thần thánh hóa; đồng thời chủ động tham vào giải quyết các vấn đề của xã hội. Xu hướng hoạt động xã hội của các tôn giáo ở Việt Nam, trong đó có PGNT Khmer, vừa là yêu cầu khách quan, vừa là nhu cầu nội tại.

4.2. Quan điểm đối với nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ Đối với GHPGVN, nhằm hỗ trợ, giúp đỡ PGNT Khmer tiếp tục phát huy nguồn lực của mình trong phát triển vùng TNB, tập trung:

Hỗ trợ, khuyến khích chức sắc, tín đồ PGNT Khmer tích cực tham gia công tác y tế, giáo dục, từ thiện xã hội... phù hợp với đặc thù và truyền thống tu tập của PGNT Khmer.

Đề xuất cấp có thẩm quyền, tiếp tục tạo điều kiện để chức sắc PGNT Khmer tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội các cấp như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Phát huy vai trò của "Người có uy tín": Cần chú trọng phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng Khmer làm cầu nối quan trọng giữa Giáo hội, chính quyền và đồng bào Phật tử.

Giúp đỡ để gắn kết bảo tồn văn hóa truyền thống: Khuyến khích việc lồng ghép các hoạt động an sinh, giáo dục với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào Khmer (như tiếng nói, chữ viết, lễ hội truyền thống...) tại các ngôi chùa PGNT Khmer.

Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: Tạo điều kiện để các chức sắc, sư sãi tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao

năng lực tuyên truyền, vận động tín đồ qua các nền tảng số và mạng xã hội, phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước.

Đề xuất các cơ quan quản lý nhà nước và Giáo hội có các chính sách hỗ trợ, tạo hành lang pháp lý và nguồn lực cần thiết để các hoạt động từ thiện, xã hội của Phật giáo Nam tông Khmer được triển khai rộng khắp và bài bản hơn.

4.3. Giải pháp đối với nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer trong phát triển vùng Tây Nam bộ đáp ứng yêu cầu tình hình mới

4.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

4.3.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện đường lối, chính sách, pháp luật

4.3.3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực Phật giáo Nam tông Khmer

4.3.4. Nhóm giải pháp về đổi mới phương thức khai thác, phát huy, khơi thông nguồn lực

4.3.5. Nhóm giải pháp về tăng cường phối hợp giữa Nhà nước với Phật giáo Nam tông Khmer và cộng đồng

4.4. Điều kiện và kiến nghị

4.4.1. Điều kiện

Để nguồn lực PGNT Khmer được phát huy một cách hiệu quả và bền vững, cần tập trung vào một số giải pháp đồng bộ, vừa khai thác nội lực sẵn có của tôn giáo, vừa kết hợp sự hỗ trợ từ hệ thống chính trị và cộng đồng.

4.4.2. Kiến nghị

- Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, đoàn thể chính trị - xã hội

- Đối với Chính phủ nói chung

- Đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đối với Bộ Ngoại giao

- Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ

- Đối với Bộ Y tế

- Đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo
- Đối với Bộ Quốc phòng
- Đối với Bộ Công an

*** Khuyến nghị đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

Tiểu kết chương 4

Nguồn lực PGNT Khmer đang đối diện với bối cảnh mới và xu hướng biến đổi mang tính toàn cầu hiện nay. Dưới tác động mạnh mẽ, đa chiều của bối cảnh trong nước và quốc tế, đặc biệt là tiến trình toàn cầu hóa, sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xu thế chuyển đổi số, áp lực từ biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp tại vùng TNB, cùng sự cơ cấu lại nền kinh tế toàn vùng, nguồn lực PGNT Khmer đang đứng trước những thời cơ bứt phá lớn lao nhưng cũng phải đối mặt với không ít thách thức hệ trọng.

Những nhân tố vĩ mô này không chỉ tạo ra cục diện mới mà còn làm thay đổi sâu sắc từ gốc rễ cách thức hình thành, phương thức vận hành đến cơ chế phát huy các giá trị nguồn lực của PGNT Khmer. Xu hướng biến đổi nổi bật trong giai đoạn hiện nay là PGNT Khmer đang tăng cường mạnh mẽ tính thể sự thông qua các hoạt động xã hội đa dạng; chủ động tham gia trực tiếp và có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề gai góc của đời sống cộng đồng. Đồng thời, xu hướng lý tính hóa trong việc giải thích các hiện tượng tự nhiên - xã hội ngày càng được củng cố, giảm dần tính huyền bí, thần thánh hóa cổ xưa, tạo điều kiện cho PGNT Khmer thích ứng một cách chủ động, hài hòa vào tiến trình hiện đại hóa chung của quốc gia.

Những hệ giải pháp và tầm nhìn tổng thể, vừa giải quyết các yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa định hình chiến lược lâu dài, đóng vai trò là chìa khóa để chuyển hóa nguồn lực PGNT Khmer từ dạng tiềm năng tiềm ẩn thành động lực nội sinh mạnh mẽ, đóng góp xứng đáng vào sự ổn định chính trị, an bình xã hội và thịnh vượng bền vững của vùng TNB nói riêng và cả nước nói chung trong bối cảnh hiện nay.

KẾT LUẬN

Người Khmer ở TNB là một bộ phận không thể tách rời trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, PGNT Khmer là một trong những đặc trưng làm nên bản sắc văn hóa của người Khmer ở TNB. PGNT Khmer là một bộ phận quan trọng của GHPGVN. Hiện nay PGNT Khmer có khoảng hơn 1,2 triệu tín đồ, gần 10 nghìn vị sư, sinh hoạt tại 456 ngôi chùa trên địa bàn 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung chủ yếu ở các địa phương khu vực TNB. Ở vùng đất này, PGNT Khmer đã trở thành yếu tố quan trọng tạo nên đặc trưng văn hóa và có tác động đến đời sống của đồng bào Khmer.

Hiện nay, đời sống kinh tế xã hội và điều kiện dân sinh, dân trí tại khu vực TNB, mặc dù đã có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, song so với các vùng khác vẫn còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, phát huy hiệu quả nguồn lực của PGNT Khmer trong đời sống xã hội của người dân vùng TNB sẽ tạo sự chủ động, tích cực của sư sãi và tín đồ PGNT Khmer trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước và góp phần thay đổi đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của người dân vùng TNB.

Bên cạnh đó, tại khu vực TNB, nơi tập trung đông đồng bào theo PGNT Khmer, các thế lực phản động luôn thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, ra sức lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc và nhân quyền, tạo ra xung đột, “điểm nóng” để can thiệp vào công việc nội bộ, triệt để lợi dụng vấn đề tôn giáo, gây dựng lực lượng đối lập với Đảng, Nhà nước Việt Nam, với chiêu bài dân chủ và tự do tôn giáo, các thế lực thù địch phản động không ngừng ủng hộ, viện trợ về kinh phí cho các đối tượng có tư tưởng cực đoan chống đối chính quyền để thực hiện các hành vi phá hoại, chống đối, kích động, gây chia rẽ, mất đoàn kết. Do vậy, việc phát huy đúng và kịp thời nguồn lực của PGNT Khmer sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển ổn định vùng TNB.

Thực hiện chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, các tôn giáo, trong đó có PGNT Khmer đang tích cực tham gia các hoạt động y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo, nhằm san sẻ trách nhiệm với xã hội. Với nền tảng và truyền thống của

mình, PGNT Khmer còn tích cực tham gia xây dựng các thiết chế văn hóa mới, đời sống mới, nhất là các phong trào thi đua yêu nước; cử người tham gia vào các tổ chức dân cử và các đoàn thể chính trị xã hội. Dựa nền tảng giáo lý nhân văn, hướng thiện sâu sắc, nên các hoạt động này có sự lan tỏa xã hội lớn, được nhân dân tín nhiệm, được chính quyền ghi nhận. Chính vì vậy, nguồn lực của PGNT Khmer đã và đang góp phần cùng chính quyền địa phương chăm lo cho một bộ phận người dân có hoàn cảnh khó khăn, trực tiếp góp phần giảm tải gánh nặng cho nhà nước và được các địa phương quan tâm, ủng hộ.

Về góc độ nguồn lực tinh thần, thông qua giáo lý và thực hành, PGNT Khmer truyền dạy những phẩm chất như ôn hòa, nhẫn nại và chịu đựng, giúp con người biết kiềm chế cảm xúc và ứng xử điềm tĩnh trước khó khăn. Các giá trị đạo đức cốt lõi của Phật giáo, điển hình là tinh thần “vô ngã vị tha” và “tương thân tương ái”, được lồng ghép sâu sắc vào đời sống thường nhật, khuyến khích lòng vị tha, chia sẻ và lòng trắc ẩn đối với người xung quanh. Sự hòa quyện giữa giáo lý tôn giáo và truyền thống văn hóa Khmer đã tạo nên một hệ giá trị đặc thù, định hình các chuẩn mực hành vi và thái độ xã hội của người Khmer ở vùng TNB. Những nghi lễ cộng đồng, sinh hoạt chùa và các hoạt động từ thiện do sư sãi và tín đồ tổ chức góp phần cụ thể hóa các giá trị đó, biến nguyên tắc trừu tượng thành hành động thực tiễn. Nhờ vậy, PGNT không chỉ là hệ thống niềm tin mà còn là nguồn lực tinh thần giúp cộng đồng vượt qua thử thách, duy trì sự ổn định xã hội và hỗ trợ nhau trong khó khăn kinh tế, thiên tai hay xung đột. Tính cách ôn hòa và tinh thần sẻ chia của PGNT Khmer không những thấm nhập mà còn thúc đẩy sự gắn kết nội bộ và giảm bớt mâu thuẫn xã hội, tạo điều kiện cho hợp tác tập thể, góp phần định hình bản sắc và phẩm chất của người Khmer TNB trong đời sống xã hội.

Về góc độ nguồn lực vật chất, chùa Khmer đã trở thành thành tố không thể thiếu trong cuộc sống của đồng bào. Chùa không chỉ là cơ sở tâm linh đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo mà còn là trung tâm sinh hoạt của cộng đồng, là trường học của mỗi người dân Khmer. PGNT Khmer cũng luôn coi hoạt động y tế, từ thiện, an sinh xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường... là một trong những công tác trọng tâm, được chư Tăng, Phật tử tích cực hưởng ứng các phong trào giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh gặp khó khăn, xóa

đổi giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai... với số lượng, giá trị vật chất quyên góp, ủng hộ qua các năm ngày càng được cao. Chùa Khmer là nơi cư mang trẻ nhỏ cô cút, hoặc con nhà nghèo được ăn và học chữ - Chùa còn là nơi giúp đỡ người già neo đơn. Gắn với cuộc sống của dân cư, nên các sư cũng đồng thời tham gia các hoạt động xã hội, cũng nhằm mục đích cứu nhân độ thế.

Về góc độ nguồn lực con người, đối với người dân Khmer, vị sư đã trở nên gần bó, quen thuộc và là thành tố không thể thiếu của đời sống từ khi sinh ra đến khi mất đi. Tất cả việc dạy chữ, rèn luyện bồi dưỡng kiến thức và hình thành nhân cách đạo đức kể cả học làm người, học một số nghề cần thiết cho cuộc sống xã hội của cho con em đồng bào dân tộc Khmer, cũng như những người vào tu đều thông qua các trường, lớp trong chùa do các vị sư sãi lâu năm, có trình độ trực tiếp đứng ra giảng dạy, người đi tu được học chữ Sankrit, chữ Pali để đọc Kinh tạng, Kinh câu siêu, học kinh của Phật Thích ca giáo huấn, các vị mới vào tu còn phải học thuộc lòng những bài khóa nghi được in trong sách lá buông...

Đóng góp của PGNT Khmer ở nguồn lực con người còn thể hiện qua hoạt động góp phần xây dựng hệ thống chính trị, bảo vệ an ninh Tổ quốc. Có thể nói, thời nào cũng vậy PGNT Khmer đã luôn cùng với nhân dân Nam bộ đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm vì sự tồn vong của đất nước. Tuyệt đại bộ phận các sư sãi, đồng bào Phật tử Khmer đã thể hiện tinh thần yêu nước, kiên cường, anh dũng. Tinh thần ấy xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam mà sư sãi và Phật tử PGNT Khmer là một bộ phận. Phát huy tinh thần yêu nước, ngày nay rất nhiều Phật tử và sư sãi Khmer đã tham gia hoạt động trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, hiện nay nhiều vị nắm giữ những vai trò quan trọng trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội ở nhiều cấp khác nhau.

Để chuyển hóa mạnh mẽ hơn nữa các tiềm năng còn ẩn giấu của PGNT Khmer thành động lực phát triển bền vững, hệ thống chính trị cần thực hiện đồng bộ hai nhóm giải pháp chiến lược dài hạn cũng như các giải pháp trước mắt, cần làm ngay.

Đối với các giải pháp mang tính chiến lược, dài hạn, trước hết cần hoàn thiện hành lang pháp lý và thể chế hóa sâu sắc quan điểm

của Đảng về nguồn lực tôn giáo. Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, tạo cơ chế thông thoáng và quy định rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm khi các tổ chức tôn giáo tham gia sâu vào lĩnh vực xã hội hóa như giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội. Việc làm này nhằm khơi thông dòng chảy nguồn lực, đồng thời lấp đầy các kẽ hở, khoảng trống pháp lý, không để các thế lực thù địch lợi dụng tính chất nhân đạo của hoạt động an sinh xã hội để trục lợi chính trị hay gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia.

Tiếp theo, cần đưa nguồn lực PGNT Khmer vào chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng TNB. Các quy hoạch phát triển vùng, các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải xem nhà chùa và đội ngũ sư sãi Khmer là một chủ thể, một đối tác chiến lược trong việc thực thi chính sách. Cần có các dự án đầu tư dài hạn nhằm hỗ trợ bảo tồn các di sản văn hóa vật thể, kiến trúc chùa chiền gắn với phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, tạo nguồn thu nội tại cho nhà chùa để tái đầu tư vào các hoạt động cộng đồng.

Cuối cùng là chiến lược nâng cao năng lực và chuẩn hóa trình độ cho đội ngũ sư sãi Khmer. Đảng và Nhà nước cần tiếp tục hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo - điều kiện tiên quyết của nguồn lực con người. Bên cạnh việc am hiểu giáo lý, giáo luật, cần bồi dưỡng sâu rộng cho sư sãi Khmer các kiến thức về quản lý xã hội, pháp luật, khoa học kỹ thuật và kỹ năng ứng phó với các vấn đề mới, phát sinh, đưa đội ngũ này thành những chuyên gia thực thụ trong công tác vận động quần chúng ngay từ cơ sở.

Đối với các giải pháp mang tính trước mắt, cần làm ngay cần được triển khai quyết liệt, trước hết là tăng cường công tác thông tin, trao đổi định kỳ giữa chính quyền với sư trụ trì, Ban Quản trị các chùa và tín đồ Phật tử PGNT Khmer để kịp thời thông tin về tình hình thời sự trong nước và quốc tế, đất nước và khu vực, những chính sách mới, đồng thời lắng nghe, giải quyết triệt để các kiến nghị, vướng mắc của đồng bào ngay từ cơ sở.

Chính quyền địa phương cần chủ động hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động tôn giáo để PGNT Khmer tham gia tích cực, sâu rộng hơn vào các hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục, từ thiện, bảo trợ xã hội...

Xem xét thiết lập cơ chế linh hoạt trong khen thưởng, tặng và truy tặng cho chùa và sư sãi Khmer nhằm ghi nhận những đóng góp nổi bật trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong các phong trào thi đua xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Việc khen thưởng không chỉ là tôn vinh, ghi nhận cá nhân và cộng đồng mà còn tạo động lực xã hội, khuyến khích các chùa và sư sãi PGNT Khmer tiếp tục tham gia các hoạt động xã hội như y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo. Bên cạnh các hình thức khen thưởng, cần có cơ chế hỗ trợ dài hạn như quỹ phát triển cơ sở tôn giáo, chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý và tổ chức cho các chùa Khmer. Việc kết hợp khen thưởng với các chương trình hỗ trợ thực tế sẽ tăng hiệu quả khuyến khích và giúp chùa, sư sãi PGNT Khmer đóng vai trò chủ động hơn trong các phong trào phát triển địa phương, phù hợp với đặc thù tôn giáo, văn hóa của PGNT Khmer và chính sách nhà nước về tôn giáo, nhằm đảm bảo tính bền vững và hài hòa xã hội.

Hiệu quả của việc phát huy nguồn lực này là không thể phủ nhận, tuy nhiên thực tế vẫn chưa phát huy hết các giá trị tiềm năng nên rất cần sự vào cuộc của hệ thống chính trị cũng như cần có hành lang pháp lý cụ thể nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để PGNT Khmer tham gia ngày càng tích cực, sâu rộng, phát huy tối đa nguồn lực này cho phát triển bền vững đất nước. Hạn chế để các thế lực thù địch lợi dụng kẽ hở và khoảng trống của pháp luật trong lĩnh vực này và tận dụng tính chất nhân đạo của hoạt động an sinh xã hội tổ chức gây ảnh hưởng xấu cho tôn giáo và xã hội.

Qua việc nghiên cứu nguồn lực PGNT Khmer trong phát triển vùng TNB cho thấy thành quả đến từ nguồn lực tôn giáo đã mang lại nhiều giá trị tốt đẹp, nhất là ở các địa phương. Trong đó các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo trong lĩnh vực giáo dục, y tế đã góp phần quan trọng bao phủ số người được hỗ trợ, giúp đỡ nhiều hơn. Tuy nhiên nhận thức, mục đích, cách thức và điều kiện để phát huy nguồn lực của PGNT Khmer còn hạn chế do vậy chưa khơi thông được nguồn lực tôn giáo trong phát triển bền vững đất nước. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá khách quan để nhận thức đúng và tham mưu đề xuất chính sách, pháp luật phù hợp định hướng cho PGNT Khmer thực hiện theo khả năng và quy định.

Mặc dù đã dành nhiều tâm huyết, thời gian để khảo sát thực tế và xây dựng hệ thống luận cứ cho công trình này, nghiên cứu

sinh vẫn không khỏi trăn trở và cảm thấy tiếc nuối vì chưa thể làm rõ hết một số khía cạnh sâu sắc do giới hạn về dung lượng, thời gian và tư liệu. Điều nuối tiếc lớn nhất của nghiên cứu sinh là chưa thể định lượng hóa một cách chính xác tổng giá trị vật chất và tài chính từ nguồn đóng góp của PGNT Khmer vào nền kinh tế vùng TNB. Do đặc thù các hoạt động từ thiện, tự cấp tự túc tại các chùa Khmer thường mang tính chất phát tâm, không có hệ thống sổ sách kế toán đồng bộ theo quy chuẩn hiện đại, nên việc thống kê số liệu gặp rất nhiều khó khăn. Nếu có thể xây dựng được một mô hình kinh tế học tôn giáo để đo lường chính xác tỷ lệ đóng góp của nguồn lực này vào tổng sản phẩm trên địa bàn của các tỉnh, thành phố TNB, tính thuyết phục của đề tài sẽ còn cao hơn nữa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh cũng chưa đi sâu phân tích được một cách chi tiết sự chuyển biến tâm lý, nhận thức và hành vi của sư sãi, Phật tử người Khmer trước sự bùng nổ của mạng xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như xu hướng chuyển đổi số. Trong không gian số, các giá trị đạo đức truyền thống của PGNT Khmer đang đứng trước nguy cơ bị lai căng, xung đột với lối sống thực dụng, điều này đặt ra những thách thức rất mới cho việc duy trì nền tảng tinh thần của PGNT Khmer mà công trình này mới chỉ dừng lại ở mức độ cảnh báo sơ khởi.

Những hạn chế, tiếc nuối nêu trên có thể phần nào làm giảm đi ý nghĩa khoa học của đề tài, song cũng mở ra những khoảng trống nghiên cứu đầy hứa hẹn. Nghiên cứu sinh hy vọng đây sẽ là những gợi mở có giá trị để sau này có thể tiếp tục đi sâu nghiên cứu, bổ sung trong tương lai, nhằm xây dựng một hệ thống lý luận và giải pháp ngày càng hoàn thiện, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển bền vững vùng đất TNB giàu tiềm năng của Tổ quốc./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Phuc Nguyen (2023), “Religions resources in Vietnam - The case of Khmer Theravada Buddhism”, *New trends on contemporary religions study, International Scientific Conference Proceedings*, pp 153 - 171.

2. Nguyễn Phúc Nguyên (2024), “Hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xã hội của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Đặc san Công tác Tôn giáo*, 11 (17), tr 20 - 24.

3. Nguyễn Phúc Nguyên (2024), “Vai trò của Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Nhân lực và Khoa học xã hội*, 10 (137), tr 33 - 39.

4. Nguyễn Phúc Nguyên (2024), “Giáo dục Phật giáo Nam tông Khmer nhìn từ góc độ nguồn lực cho phát triển vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Nhân lực và Khoa học xã hội*, 11 (138), tr 105 - 110.

5. Nguyễn Phúc Nguyên (2025), “Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, 01/2025, tr 56 - 59.

6. Nguyen Phuc Nguyen (2025), “Theravada Buddhist education - Foundation and resources for development in the southwest region”, *The third international conference on the issues of social sciences and humanities (volume 2)*, pp 159 - 171.